

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07/9/2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đã thụ lý số: 137/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng A**

Trụ sở chính: phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng C– Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh C là người đại diện theo ủy quyền của bà D (Văn bản ủy quyền số 3905/2017/GUQ –PL ngày 14/12/2017).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Minh T– Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng A - Chi nhánh C (Văn bản ủy quyền số 284/2018/UQ –CNBT ngày 10/7/2018).

Địa chỉ liên hệ: phường D, Thành phố C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn:

- Chị Lê Thị Mộng K, sinh năm 1975

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp S, xã H, huyện I, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976

- Bà Phan Thị Châu T, sinh năm 1987

Địa chỉ: 113, ấp Tân Nam, xã H, huyện I, tỉnh Bến Tre.

- Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1961

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp R, xã Y, huyện I, tỉnh Bến Tre.

Bà K, ông D, ông H, bà T, ông B, bà C ủy quyền cho ông Trương Văn T, sinh năm 1978 - Địa chỉ: ấp T, xã O, Thành phố C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn D – bà Lê Thị Mộng K có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh C đại diện nhận tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 09/8/2018 là 2.019.911.000 đồng (*Hai tỷ không trăm mười chín triệu chín trăm mười một nghìn đồng*).

Kể từ ngày 10/8/2018, số tiền trên sẽ được tiếp tục tính lãi suất theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng số: LD 1605700003 ngày 26/02/2016, Hợp đồng tín dụng số: LD 1529200268 ngày 19/10/2015 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/6/2012 giữa Ngân hàng A và vợ chồng ông D – bà K cho đến khi trả dứt số nợ nêu trên.

* Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng A, nếu vợ chồng ông D -bà K chưa trả số tiền trên, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD 1529200268 ngày 20/10/2015 và LD 1605700003 ngày 26/02/2016 giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Văn D – bà Lê Thị Mộng K để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 84 tờ bản đồ 20 diện tích 6456,8 m² (mục đích sử dụng CLN) tại xã H, huyện I, tỉnh Bến Tre; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 007187 cấp ngày 14/7/2015 do ông Nguyễn Văn H đứng tên. Quyền sử dụng đất thửa đất số 48 tờ bản đồ 25 diện tích 462,9 m² (mục đích sử dụng ONT + CLN) tại xã H, huyện I, tỉnh Bến Tre; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 139053 cấp ngày 25/9/2015 do ông Nguyễn Văn D đứng tên. Và quyền sử dụng đất thửa đất số 14 tờ bản đồ 14 diện tích 4434,9 m² (mục đích sử dụng ONT + CLN) tại xã Y, huyện I, tỉnh Bến Tre; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 204614 cấp ngày 11/3/2015 do ông Huỳnh Văn B đứng tên.

Án phí DSST có giá ngạch 2,5%:

Hai bên thỏa thuận: Vợ chồng ông D – bà K có trách nhiệm liên đới nộp 36.199.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Hoàn lại 40.499.000 đồng (*Bốn mươi triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng A - Chi nhánh C đã nộp theo biên lai thu số 0017083 ngày 22/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành.
- Hai bên đương sự.
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thị Phụng